

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TRỊNH QUỲNH ĐÔNG NGHI

NGHIÊN CỨU CÂU ĐẶC BIỆT TIẾNG VIỆT  
THEO QUAN ĐIỂM NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG

Ngành: Ngôn ngữ học

Mã số: 9229020

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Đà Nẵng, năm 2024

**Công trình được hoàn thành tại**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐHQĐN**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS. TS Bùi Trọng Ngoãn**

**Phản biện 1:**

**Phản biện 2:**

Luận án được bảo vệ trước hội đồng chấm Luận án Tiến sĩ  
chuyên ngành Ngôn ngữ học tại Trường Đại học Sư phạm  
vào ngày ... tháng ... năm 2024.

**Đà Nẵng, năm 2024**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

1.1. Trong các đơn vị ngôn ngữ, câu được đánh giá là đơn vị phức tạp nhất, cũng là đơn vị nhỏ nhất thể hiện trọn vẹn ba bình diện kết học - nghĩa học - dụng học. Chính vì thế, ngay từ rất sớm, câu được ngôn ngữ học nói chung, ngữ pháp học nói riêng quan tâm nghiên cứu với những hướng tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn còn nhiều vấn đề về câu chưa được giải quyết, đặc biệt là các vấn đề có liên quan đến nghĩa, hoạt động hành chức của câu và các loại câu không được kiến giải theo bộ khung cấu trúc thông thường.

1.2. Quan điểm của NPCN như Dik và các cộng sự từng tuyên bố: “một lí thuyết ngữ pháp không nên thoả mãn với việc trình bày các quy tắc ngôn ngữ vì mục đích tự nó mà nên cố gắng, bất cứ khi nào có thể, giải thích các quy tắc này về mặt chức năng theo cái cách mà nó được dùng và theo mục đích cuối cùng của cách dùng này”[108, tr.15] sẽ giúp làm rõ các bình diện nghiên cứu của CDB, lí giải cơ chế và hình thái tồn tại của CDB tiếng Việt.

1.3. Câu đặc biệt là loại câu có những đặc điểm khác thường so với các kiểu câu khác vì thế đã thu hút nhiều nhà nghiên cứu ngữ pháp quan tâm. Các tranh luận xoay quanh CDB và các loại câu có đặc trưng ngữ pháp tương tự đã được đề cập đến trong nhiều công trình với những cách tiếp cận và lí giải khác nhau. Tuy nhiên, vì tính chất đặc biệt trên nhiều bình diện từ tổng thể đến thành tố, từ cấu trúc đến chức năng cho nên đến nay vẫn chưa tìm được mô hình nào triệt để và thuyết phục cho loại câu này. Việc tìm một bộ khung ngữ pháp lí giải CDB vẫn là điều mà các nhà nghiên cứu cú pháp quan tâm ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau.

Từ những lập luận trên, chúng tôi chọn “Nghiên cứu CDB tiếng Việt theo quan điểm NPCN” làm đề tài nghiên cứu với hi vọng kết quả của luận án sẽ đưa ra một cái nhìn xác đáng về CDB tiếng Việt.

### 2. Mục đích nghiên cứu

Luận án được chúng tôi triển khai với hai mục đích chính là:

- 2.1. Làm rõ cương vị cú pháp của CDB tiếng Việt;
- 2.2. Làm rõ các bình diện kết học, nghĩa học, dụng học của CDB tiếng Việt.

### 3. Đối tượng, phạm vi và nhiệm vụ nghiên cứu

#### 3.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án: CDB tiếng Việt.

Phạm vi nghiên cứu: nghiên cứu CDB tiếng Việt theo quan điểm của ngữ pháp chức năng diễn ngôn.

Các kết luận trong luận án dựa trên cơ sở nguồn ngữ liệu là các CDB đã được văn bản hoá, khảo sát từ các tác phẩm văn học hiện đại.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Chúng tôi đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu để làm rõ về CDB tiếng Việt như sau:

- (1) Tổng quan các công trình nghiên cứu về CDB tiếng Việt;
- (2) Xác định cương vị cú pháp của CDB;
- (3) Miêu tả các bình diện kết học, nghĩa học, dụng học của CDB theo hướng phân tích NPCN diễn ngôn.

## **4. Nguồn ngữ liệu và phương pháp nghiên cứu**

### **4.1. Ngữ liệu và phân loại ngữ liệu**

Luận án này có định hướng nghiên cứu lí luận, tuy nhiên, để đảm bảo độ tin cậy thì những luận điểm nêu ra phải được hình thành từ ngữ liệu thực tế. Đó vừa là kênh minh hoạ, cũng là kênh kiểm chứng lí luận. Tổng số ngữ liệu được thu thập là 5734 đơn vị được trích dẫn đúng quy định.

### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong luận án, chúng tôi sử dụng và phối hợp các phương pháp xử lí ngữ liệu để có thể nhận diện và phân xuất CDB từ nguồn ngữ liệu, từ đó sử dụng phương pháp quy nạp và diễn dịch, các thủ pháp về quan hệ ngữ pháp, ngữ nghĩa và các thủ pháp của phương pháp miêu tả, phương pháp so sánh để miêu tả triệt để và xác đáng CDB tiếng Việt, trong đó đặc biệt quan trọng là phương pháp thống kê phân loại, phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp miêu tả, phương pháp khái quát, hệ thống hoá đồng thời kết hợp với các thủ pháp như phân bố, phân tích thành tố, thủ pháp phân tích ngữ cảnh.

## **5. Đóng góp của luận án**

Nghiên cứu CDB tiếng Việt là một việc làm có ý nghĩa cả về phương diện lí luận lẫn ứng dụng thực tiễn.

Về lí luận: kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện lí thuyết NPCN khi áp dụng lí thuyết này vào việc nghiên cứu một đối tượng cụ thể là CDB, trên cơ sở đó giúp định vị CDB tiếng Việt trong hệ thống đơn vị ngữ pháp tiếng Việt theo cách tiếp cận của NPCN.

Về thực tiễn: kết quả nghiên cứu của luận án có thể ứng dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu CDB nói riêng và câu tiếng Việt nói chung trong văn bản theo hướng tiếp cận của NPCN.

### **6. Bố cục của luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án gồm có 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lí luận

Chương 2. Bình diện kết học của câu đặc biệt tiếng Việt

Chương 3. Bình diện nghĩa học của câu đặc biệt tiếng Việt

Chương 4. Bình diện dụng học của câu đặc biệt tiếng Việt

---

## **CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN**

### **1.1. Tình hình nghiên cứu về CDB**

#### ***1.1.1. Các công trình nghiên cứu CDB ở nước ngoài***

Chúng tôi đã tiếp cận được nhiều đầu sách, luận án, các bài báo, kỉ yếu hội thảo và tài liệu trao đổi trong các workshop chuyên đề về CDB. Sự quan tâm về CDB thể hiện thông qua hai nhóm: phổ quát (đề cập đến CDB trong nghiên cứu ngữ pháp) và chuyên sâu (xác định CDB là đối tượng nghiên cứu riêng).

Những công trình nghiên cứu về nhóm câu có dấu hiệu khác biệt với nhóm câu có cấu trúc và chức năng thông thường nói trên đã đưa chúng tôi đến những nhận định như sau:

(1) Sự tồn tại của kiểu câu không được mô tả theo khung lí thuyết ngữ pháp thông thường trong giao tiếp bằng lời hay được văn bản hoá là hiển nhiên không thể phủ nhận;

(2) Các tác giả với những trường phái nghiên cứu khác nhau vẫn chưa đi đến thống nhất khi lí giải cơ chế, miêu tả cấu trúc cũng như diễn giải chức năng của loại câu này;

(3) Trong mỗi ngôn ngữ thuộc loại hình khác nhau có thể tồn tại các phương thức đánh dấu CDB đặc thù.

#### ***1.1.2. Các công trình nghiên cứu CDB ở Việt Nam***

Trong hầu hết các công trình nghiên cứu ngữ pháp, các tác giả đã đưa ra những nhận định về CDB. Hướng nghiên cứu chính về CDB tiếng Việt có thể xác định là ngữ pháp cấu trúc. Các vấn đề chính như sau:

(1) Về cách tiếp cận: các công trình trình bày kết quả nghiên cứu từ những cách tiếp cận: ngữ pháp truyền thống - cấu trúc chủ vị, phân loại dựa vào thành tố chính, trung tâm cú pháp, thành tố cấu tạo; NPCN - NPCN ba bình diện, NPCN hệ thống, cấu trúc đề - thuyết; cấu trúc vị từ - tham tố - nòng cốt IC; dụng học; phân đoạn thực tại... trong đó cấu trúc chủ - vị là hướng tiếp cận chính.

(2) Về mặt tên gọi: các tác giả đã sử dụng những tên gọi khác nhau để chỉ đối tượng này trong đó CDB được sử dụng phổ biến nhất.

(3) Về việc lí giải thành tố cấu tạo: bao gồm các dạng cấu tạo từ một từ, cụm từ (bao hàm hoặc không đối với cụm từ chủ vị), thành phần câu (theo chủ - vị hoặc đề - thuyết), kết quả tỉnh lược...

(4) Về phân loại: việc phân loại phụ thuộc nhiều vào cách tiếp cận nên rất nhiều cách phân loại khác nhau đã được chỉ ra như: CDB

danh từ, vị từ, thán từ; CDB thán từ, hô ngữ và ứng ngữ, tiêu đề; CDB bộc lộ tình cảm tâm sinh lí trực tiếp, câu tượng thanh, câu giới thiệu cảnh huống, câu hô gọi, câu bộc lộ cảm xúc, đánh giá; CDB phân loại theo mức độ điển hình...

Điều rõ ràng nhất là cho đến hiện nay, vẫn chưa có sự thống nhất trong phân định về loại câu này, chưa có công trình nghiên cứu riêng biệt về CDB tiếng Việt từ góc độ lí luận cú pháp.

## **1.2. Khái quát về NPCN**

### ***1.2.1. Khái niệm NPCN***

Khác với quan điểm của Noam Chomsky trong lí thuyết ngữ pháp tạo sinh (Transformational - Generative) xem ngôn ngữ là một tập hợp các quy tắc được khái quát hóa độc lập với ngôn cảnh, Ngữ pháp chức năng được xây dựng dựa trên quan niệm triết học cho ngôn ngữ ra đời là để phục vụ cho mục đích giao tiếp của loài người. Đó là chức năng của nó, để thực hiện chức năng này, ngôn ngữ phải mang trong mình nó một ý nghĩa nào đó.

### ***1.2.2. Các trường phái NPCN***

#### ***1.2.2.1. NPCN diễn ngôn***

NPCN diễn ngôn gắn với tên tuổi của Simon C. Dik và các cộng sự là đường hướng nghiên cứu câu theo ba bình diện.

#### ***1.2.2.2. NPCN hệ thống***

NPCN hệ thống của Halliday gắn với các siêu chức năng: chức năng kinh nghiệm, chức năng liên nhân và chức năng văn bản.

## **1.3. Quan điểm ba bình diện nghiên cứu câu của NPCN diễn ngôn**

NPCN diễn ngôn là đường hướng điển hình cho chủ trương nghiên cứu câu theo ba bình diện.

***1.3.1. Bình diện kết học*** biểu thị mối quan hệ của các yếu tố ngôn ngữ trong câu mà theo Dik cấu trúc cú pháp thể hiện qua các thành tố chính là hạt nhân và tác tử.

***1.3.2. Bình diện nghĩa học*** thực hiện chức năng biểu thị vai trò của những yếu tố trong câu tham gia vào phản ánh thực tại khách quan.

***1.3.3. Bình diện dụng học*** thực hiện chức năng biểu thị cương vị thông báo của các yếu tố trong tình huống giao tiếp cụ thể, đối thoại cụ thể với những mục đích cụ thể.

## **1.4. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài luận án**

### ***1.4.1. Cấu trúc lớp (layers)***

Cấu trúc lớp đề cập đến một kiểu phân cấp của cấu trúc ngôn ngữ với những cấp bậc thành tố ngữ pháp khác nhau, các quan hệ phạm vi dựa vào đó mà được xác định theo các lớp ngữ nghĩa khác nhau.

#### **1.4.2. Hạt nhân (the nucleus)**

Hạt nhân là thành tố quan trọng của cấu trúc mệnh đề được tạo nên bởi một khung vị ngữ.

#### **1.4.3. Tác tử (operator)**

Tác tử là thành tố ngữ pháp quan trọng tạo nên kết cấu hạt nhân mở rộng với vai trò biểu đạt các chức năng nghĩa học, dụng học của CDB.

#### **1.4.4. Nghĩa sự tình**

Nghĩa sự tình là thành phần nghĩa phản ánh những mảng của thế giới hiện thực hay thế giới nội tâm của con người, gọi chung là sự việc hay sự tình. Mỗi sự tình được phản ánh vào trong câu là một cấu trúc nghĩa gồm hạt nhân biểu thị sự tình cùng với các yếu tố tham gia vào sự tình.

#### **1.4.5. Nghĩa tình thái**

Nghĩa tình thái là thành phần nghĩa biểu thị thái độ, quan hệ, cách đánh giá của người nói và là thành phần mang tính linh hồn ngữ nghĩa của câu, được phân tích theo quan niệm rộng, gồm nghĩa tình thái khách quan và chủ quan.

#### **1.4.6. Ngữ cảnh**

Ở bình diện dụng học của luận án này, chúng tôi tiếp cận và phân tích ngữ cảnh tình huống. Theo đó, ngữ cảnh tình huống mô tả lí do tại sao một điều gì đó đang xảy ra và cách thức điều phối hành động sao cho phù hợp với tình huống đó.

#### **1.4.7. Quan hệ liên nhân**

Quan hệ liên nhân bao gồm quan hệ theo chiều ngang và quan hệ theo chiều dọc giữa các nhân vật giao tiếp.

### **1.5. Xác lập cương vị CDB trong cú pháp tiếng Việt**

Việc xác lập cương vị cho CDB là thao tác lí thuyết quan trọng tạo nền móng cho các công đoạn nghiên cứu tiếp theo của luận án này.

#### **1.5.1. Tiêu chí xác định đơn vị câu**

Với tư cách là “đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất có khả năng truyền đạt thông điệp nhưng là đơn vị lớn nhất được tạo lập trực tiếp những các thành tố ngữ pháp và các quan hệ ngữ pháp” [22; tr.68], chúng tôi định hình những tiêu chí xác lập câu như sau:



(1) Về phương diện cấu trúc, câu là phạm vi ngữ pháp có cấu tạo hoàn chỉnh, có mối liên hệ với tổng thể mà nó tham gia vào.

(2) Về phương diện chức năng, câu được quan niệm thống nhất như là sự phản ánh của một mệnh đề.

(3) Về phương diện dấu hiệu (tính đánh dấu hình thức) có tác dụng hoàn thiện tính trọn vẹn và độc lập của câu, dựa vào các thuộc tính ngữ âm học và những biểu thị tương ứng trên bề mặt văn bản.

### **1.5.2. Xác định cương vị câu của CDB**

Dựa vào các tiêu chí xác lập câu, đối chiếu với đặc điểm CDB tiếng Việt, chúng tôi có thể đưa ra những nhận định sau:

(1) CDB thỏa mãn tiêu chí cấu trúc của một câu.

(2) CDB thực hiện trọn vẹn chức năng của một câu trong giao tiếp.

(3) CDB là đơn vị cú pháp độc lập được đánh dấu và có thể nhận diện như bất kì loại câu nào.

### **1.5.3. Đề xuất khái niệm CDB tiếng Việt**

#### **1.5.3.1. Khái niệm CDB**

*CDB là loại câu biểu đạt thông báo bằng hình thức tối thiểu.*

Theo cách hiểu thứ nhất, hình thức tối thiểu của CDB là dạng thức ngữ pháp do một từ hoặc một tổ hợp từ cấu tạo theo quan hệ ngữ pháp chính phụ hoặc đẳng lập. Các thành tố ngữ pháp – ngữ nghĩa cấu tạo nên CDB mang tính quan yếu và không thể (hoặc không nên) giản lược ở mức nhỏ hơn.

Theo cách hiểu thứ hai – tiếp cận theo quan điểm NPCN diễn ngôn, hình thức tối thiểu của CDB bao gồm quan hệ ngữ pháp giữa hạt nhân và tác tử với mức độ quan yếu được chi phối tùy theo ngữ cảnh tạo tiền đề cho sự xuất hiện của CDB đó. Hình thức này tồn tại ở dạng hoàn chỉnh và không cần (hoặc không thể) tinh giản ở mức nhỏ hơn.

#### **1.5.3.2. Tiêu chí nhận diện CDB**

Từ khái niệm CDB được đề xuất ở trên, có thể bóc tách các đặc điểm cần lưu ý đồng thời cũng chính là các tiêu chí nhận diện đầu là CDB trong hàng loạt các câu xuất hiện trong giao tiếp, trong văn bản như sau:

(1) Có khả năng biểu đạt thông báo trọn vẹn;

(2) Được kiến tạo từ một vị từ hoặc một kết cấu vị từ mở rộng theo các quan hệ ngữ pháp nhất định;

(3) Được đánh dấu bằng các thuộc tính hình thức (ngữ điệu hoặc quy cách trình bày trên văn bản).

Có thể phân tích các tiêu chí nhận diện CDB thông qua ví dụ dưới đây:

- *Anh uống ít rượu thôi! Em van anh! – Nàng cầu khẩn trong một lần anh ghé chơi.*

**(1)- Tại sao?**

- *Bởi vì em không muốn thấy anh trở thành một kẻ nát rượu.*

**(2)Thảm lắm!**

- *Tương lai không xán lạn được đến thế đâu! Tôi chết trước khi được trở thành một kẻ nát rượu.*

*Nàng tát khế vào miệng anh:*

**(3)- Bậy nào! Dừng khí của đàn ông để dưới gót giày rồi sao?**

*Anh cười nhạt:*

- *Em cứ việc giũ cọt. Mười hai móng, đến bây giờ chỉ còn ba. (4)*

**Sắp đến lượt tôi rồi!**

- *Mỗi người mỗi số phận. Những cái chết ấy liên quan gì đến tính mạng của anh cơ chứ?*

*Nàng cố trấn an, nhưng trong lòng bỗng run rẩy vì một dự cảm.*

(Võ Thị Hào, *Dây neo trần gian*, tr.70)

Trong trích đoạn trên có thể nhận diện được 4 CDB lần lượt là: “Tại sao?”, “Thảm lắm!”, “Bậy nào!”, “Sắp đến lượt tôi rồi!”.

#### **1.5.4. Phân định CDB với những hình thức tương tự**

1.5.4.1. *CDB không phải là kết quả của hiện tượng tình luyến*

1.5.4.2. *CDB là đối tượng nghiên cứu khác với câu tồn tại*

1.5.4.3. *CDB không phải là câu dưới bậc hay ngữ trực thuộc*

1.5.4.4. *CDB không phải là kết quả của thao tác đảo thành phần câu*

#### **Tiểu kết**

Từ phần nội dung tổng quan, chúng tôi có thể khẳng định rằng, chưa có công trình nào nghiên cứu về CDB tiếng Việt với tư cách là đối tượng riêng biệt và toàn diện. Khung lí thuyết vận dụng cho việc nghiên cứu CDB tiếng Việt trình bày trong luận án này được xây dựng từ quan điểm NPCN diễn ngôn trên tinh thần kế thừa những cập nhật phân tích ngữ nghĩa hiện đại.

Trong chương này, chúng tôi cũng đã phân tích các tiêu chí nhận diện câu đề đề xuất khái niệm CDB làm cơ sở nhận diện và thống kê ngữ liệu từ đó thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu tiếp theo của luận án.

---

## CHƯƠNG 2. BÌNH DIỆN KẾT HỌC CỦA CẤU ĐẶC BIỆT TIẾNG VIỆT

### 2.1. Áp dụng quan điểm của NPCN diễn ngôn vào việc phân tích cấu trúc CDB tiếng Việt

#### 2.1.1. Phân tích CDB theo cấu trúc lớp (layers)

Cấu trúc phân lớp đề cập đến một kiểu phân cấp của cấu trúc ngôn ngữ với những cấp bậc thành tố ngữ pháp khác nhau, các quan hệ phạm vi dựa vào đó mà được xác định theo các lớp ngữ nghĩa khác nhau.

Về cơ bản, có thể thấy quy trình phân rã các lớp cấu trúc của một mô hình ngữ pháp nhất định liên quan đến 3 khái niệm: hạt nhân (the nucleus) – các tác tử (operators) và có thể có thêm chu tố/vệ tinh (satellites). Trong đó, cấu trúc cú pháp của CDB được kiến tạo từ hạt nhân và một hoặc một số tác tử.

#### 2.1.2. Xác định hạt nhân (the nucleus) trong CDB

Hạt nhân là thành tố quan trọng của cấu trúc mệnh đề được tạo nên bởi một khung vị ngữ. Hạt nhân là lớp trong cùng của kết cấu CDB, đồng thời là trung tâm của các quan hệ ngữ pháp trong CDB. Tùy thuộc vào thực tế mà hạt nhân có thể tồn tại độc lập ở dạng khung vị từ cơ bản hoặc kết nối với các tác tử để tạo nên khung vị ngữ mở rộng.

#### 2.1.3. Xác định tác tử (operator) trong CDB

Tác tử là thành tố ngữ pháp tạo nên kết cấu hạt nhân mở rộng của CDB. Tác tử đồng thời bổ sung các giá trị cho hạt nhân, góp phần hoàn thiện chức năng nghĩa học và dụng học trong CDB.

#### 2.1.4. Cách thức phân xuất cấu trúc CDB tiếng Việt

Khi tiến hành thao tác này, chúng tôi đã căn trọng xác định hạt nhân của CDB, có thể xem như nòng cốt trong các kết cấu câu thông thường. Sau khi xác định được hạt nhân, tác tử được tính đếm theo vị trí xuất hiện bao quanh hạt nhân với nguyên tắc định lượng và tính hình tuyến của ngôn ngữ. Việc xác định tác tử được tiến hành trong mối quan hệ chặt chẽ với hạt nhân để phác họa hình thái cấu trúc lớp, tránh việc xác định tác tử theo chiều ngang hoặc tính đếm cơ học đơn thuần làm bỏ sót tính chất phân lớp của cấu trúc CDB.

### 2.2. Xác lập các dạng cấu trúc CDB tiếng Việt

Khi áp dụng quy trình phân rã để xác định cấu trúc của CDB tiếng Việt, với việc xác định sự xuất hiện của hạt nhân và tác tử, bước đầu luận án phân thành hai dạng cấu trúc chính của CDB là cấu

trúc chỉ có hạt nhân (không có tác tử) và cấu trúc có sự kết hợp giữa hạt nhân với một hoặc một số tác tử.

### 2.2.1. CDB chỉ có hạt nhân

Các câu này thường do một vị từ hoặc vị từ kết hợp với các thành tố vệ tinh nghĩa, không bao chứa các tác tử. Loại cấu trúc chỉ có hạt nhân này có số lượng là 2883 câu, chiếm 50.3%.

#### 2.2.1.1. Hạt nhân là vị từ

Loại CDB này được cấu tạo từ một từ duy nhất, tổng số CDB có hạt nhân vị từ 1795 câu, chiếm tỉ lệ 31.3%.

- *Khốn nạn!* (Nguyễn Huy Thiệp, *Chạy đi sông ơi*, tr.90)

- *Hạnh!* (Nguyễn Minh Châu, *Bên đường chiến tranh*, tr.75)

#### 2.2.1.2. Hạt nhân là kết cấu vị từ

Ở nhóm phân loại này, hạt nhân của CDB ở dạng thức mở rộng hơn, bao gồm một vị từ kết hợp với một số thành tố chức năng bổ sung nghĩa cho vị từ, không kết hợp với bất kì tác tử nào, chiếm tỉ lệ 19% với tổng số là 1008 câu.

*Một con khi độc!* (Nguyễn Công Hoan, *Buổi chiều xám*, tr.129)

### 2.2.2. Cấu trúc có hạt nhân và các tác tử

CDB có cấu trúc bao gồm hạt nhân và các tác tử là dạng cấu trúc chiếm 49.7% còn lại trên tổng ngữ liệu mà chúng tôi khảo sát được.

Để xác định các dạng cấu trúc CDB có hạt nhân và tác tử, chúng tôi kết hợp giữa phương pháp định lượng và định tính, thông qua việc định vị khung câu bao gồm hạt nhân và +/- các ô vị trí tác tử để khái quát thành các tiểu loại CDB theo tỉ lệ phổ biến (tính đếm trên % xuất hiện của tổng số câu ngữ liệu).

Có thể hình dung khung vị trí tác tử và thứ tự xuất hiện như sau:

Thứ tự tác tử	Tác tử trước			HẠT NHÂN	Tác tử sau		
	Tác tử	Tác tử	Tác tử		Tác tử	Tác tử	Tác tử
Vị trí quy ước	-3	-2	-1	X	+1	+2	+3

Dựa trên vị trí tác tử phân bố trong sơ đồ khung, chúng tôi nhận thấy có 16 dạng mẫu CDB phân bố theo khả năng xuất hiện và kết hợp luân phiên của các tác tử với (+) đại diện cho vị trí có xuất hiện và (-) là ngược lại (bảng 2.3 trong bản toàn văn).

Trên thực tế trong 5734 CDB thu được trong khảo sát lần này có 13 mẫu chia thành 3 nhóm phân loại sau:

#### 2.2.2.1. CDB có tác tử trước hạt nhân

Theo quy ước về trật tự thành tố lỗi, CDB có tác tử trước do ít nhất 1 và tối đa 3 tác tử kết hợp với trung tâm là thành tố đương nhiên, không có vị trí tác tử sau. Đối với dạng này, kết quả khảo sát thu về 3 mẫu như sau:

Mẫu -1|X: *Thật | **bất ngờ!*** (Bùi Việt Phương, *Năm tôi bốn mươi chín tuổi*, tr.188)

Mẫu -2|X: *Hình như | lại | **có mưa.*** (Nam Cao, *Làm tổ*, tr.68)

Mẫu -3|X: *Sao | lại | không | **chắc!*** (Thạch Lam, *Hà Nội ban đêm*, tr.94)

#### 2.2.2.2. CDB có tác tử sau hạt nhân

Theo trật tự thành tố hạt nhân, CDB có tác tử sau do 1 đến 3 tác tử kết hợp với hạt nhân ở vị trí trung tâm là thành tố đương nhiên, không có vị trí tác tử trước. Đối với dạng này, kết quả khảo sát thu về 3 mẫu:

Mẫu X|+1: *Éo le | vô cùng.* (Nhật Linh, *Hai buổi chiều vàng*, tr.163)

Mẫu X|+2: *Khó | thật | **đầy!*** (Thạch Lam, *Hà Nội ban đêm*, tr.97)

Mẫu X|+3 *Hay | thật | **đầy | chứ!*** (Vũ Trọng Phụng, *Ấn mừng*, tr.167)

#### 2.2.2.3. CDB có tác tử trước và sau hạt nhân

Dạng CDB này được cấu tạo từ các thành tố tác tử phân bố lần lượt trước và sau hạt nhân. Ở phân loại này, chúng tôi khảo sát được các mẫu:

Mẫu -1|X|+1: *Chi | **khổ thẳng này** | **thôi!*** (Nam Cao, *Đời thừa*, tr.165)

Mẫu -2|X|+1: *Sao | lại | **thế** | **nhì!*** (Trần Nguyễn Anh, *Hơi ẩm Linh Cảm*, tr.144)

Mẫu -3|X|+1: *Đừng | có | mà | **bi đát** | vậy.* (Nguyễn Trí, *Già của bánh giò*, tr.121)

Mẫu -1|X|+2: *Chi là | **bệnh tưởng** | **đầy** | **thôi!*** (Võ Thị Hào, *Dây neo trần gian*, tr.75)

Mẫu -2|X|+2: *Hoá ra | chẳng | **có quỷ ma** | nào | **cả!*** (Nguyễn Huy Thiệp, *Cún*, tr.255)

Mẫu -3|X|+2: *Áy | **bắm** | **chính** | **thế** | **đầy** | **à!*** (Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, tr.380)

Chúng tôi tổng hợp được 13 kiểu cấu trúc câu trong phạm vi ngữ liệu được sắp xếp theo mức độ điển hình như sau:

TT	Kí hiệu mẫu câu	Số lượng	Tỉ lệ %
1	X	2883	50,28
2	X +1	1291	22,51

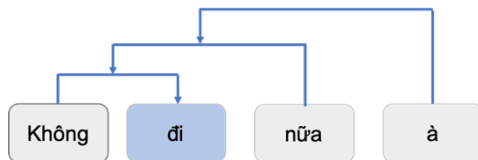
3	$-1 X$	788	13,74
4	$-1 X +1$	334	5,82
5	$-2 X$	156	2,72
6	$X +2$	100	1,74
7	$-2 X +1$	75	1,31
8	$X +3$	44	0,77
9	$-1 X +2$	34	0,59
10	$-2 X +2$	10	0,17
11	$-3 X$	10	0,17
12	$-3 X +1$	6	0,10
13	$-3 X +2$	3	0,05
Tổng cộng		5734	100,0

Bảng 2.3. Các dạng mẫu câu xếp theo mức độ điển hình

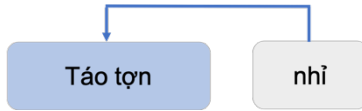
### 2.3. Cấu trúc lớp trong CDB có tác tử

Trong CDB có hạt nhân và tác tử, CDB có hạt nhân là kết cấu vị từ có thể được kiến tạo từ một vị từ kết hợp với một số tác tử vị ngữ hoá (p2) bổ sung ý nghĩa cho vị từ. Bên cạnh đó, một số tác tử khác lại bổ sung ý nghĩa mệnh đề hoặc ý nghĩa ngôn trung, vì thế không tác động trực tiếp lên vị từ lõi của hạt nhân mà là kết cấu vị từ bao gồm hạt nhân kết hợp với một (hoặc một số) tác tử tạo thành những dạng cấu trúc lớp khác nhau. Có thể so sánh qua 2 ví dụ sau:

*Không đi nữa à?*  
(Ngô Tất Tố, B. *Tiểu thuyết phóng sự Lều chõng*, tr.202)



*Táo tợn nhỉ?* (Khái Hưng,  
*Ông đồ đặc*, tr.490)



### Tiểu kết

Nghiên cứu bình diện kết học của CĐB, chúng tôi nhận thấy cấu trúc CĐB được tổ chức một cách hoàn chỉnh và phân tầng rõ rệt, có thể mô hình hoá thành những dạng cấu trúc mạng tính điện dạng. Từ mô hình chung được xây dựng từ các thành tố chính và phương thức đánh dấu đặc thù của tiếng Việt, chúng tôi phân lập được 13 mẫu câu tương ứng với 13 dạng cấu trúc CĐB phân thành 2 nhóm lớn: CĐB chỉ có hạt nhân và CĐB có cấu trúc hạt nhân kết hợp với tác tử. Như vậy có thể thấy, mặc dù hình thái CĐB mang tính tối giản, tinh gọn nhưng mỗi quan hệ ngữ pháp giữa các thành tố cấu thành vẫn hiện diện và đảm bảo liên kết chặt chẽ.

---

### CHƯƠNG 3. BÌNH DIỆN NGHĨA HỌC CỦA CÂU ĐẶC BIỆT TIẾNG VIỆT

Ở chương này, luận án đặt nhiệm vụ làm rõ các bình diện nghĩa của CDB mà NPCN chú ý tới là nghĩa sự tình và nghĩa tình thái.

#### 3.1. Nghĩa sự tình của CDB tiếng Việt

##### 3.1.1. Cơ sở xác định nghĩa sự tình trong CDB tiếng Việt

Thuật ngữ “sự tình” được dùng theo quan điểm của Dik là “cái có thể là tình huống trong một thế giới nào đó”.

Luận án phân tích ba loại sự tình cơ bản dựa trên quan điểm của Cao Xuân Hạo khi vận dụng cách thức phân loại sự tình của S.C.Dik vào nghiên cứu tiếng Việt.

##### 3.1.2. Các loại sự tình trong CDB tiếng Việt

###### 3.1.2.1. Sự tình hành động

###### a. Hành động vô tác

Một hành động không tác động lên đối tượng nào là hành động vô tác, biểu thị sự di chuyển có chủ ý từ vị trí này sang vị trí khác:

*Nhếch mép cười.* (Phong Điệp, *Sau cánh gà*, tr.61)

###### b. Hành động chuyển tác

Trong CDB, sự tác động này gần như không đủ điều kiện để diễn ra, một vài biểu hiện có thể xếp vào hành động chuyển tác thì khá nghèo nàn, khó xác định.

*Biểu năm trăm đồng.* (Nguyễn Huy Thiệp, *Tướng về hưu*, tr.106)

###### 3.1.2.2. Sự tình quá trình

Một biến cố trong đó không có chủ thể nào có chủ ý được gọi là một quá trình. Trong CDB, vì không tồn tại quan hệ thuyết giải, vậy nên gần như không thể xác định sự tình quá trình, dù ở dạng vô tác hay chuyển tác.

###### 3.1.2.3. Sự tình trạng thái

Sự tình trạng thái dùng để biểu đạt các tính chất và tình trạng trong CDB.

###### a. Sự tình tính chất

Trong CDB, nhóm tính chất vật chất này được miêu tả khá sinh động, đa phần tập trung biểu hiện sự đánh giá các tính chất vật chất nhiều hơn tinh thần.

*Đẹp quá nhỉ.* (Thạch Lam, *Cô hàng xóm*, tr.274)

“Đẹp quá nhỉ” là tính chất của đôi khuyên vàng mà Liên mới đánh trên tinh, đây là một đặc trưng tích cực gắn liền với bản thân đối tượng.

###### b. Sự tình tình trạng



Các tình trạng trong CDB thường mang tính khách quan.

*Tối lắm.* (Thạch Lam, *Sợi tóc*, tr.298)

“Tối lắm” là câu cô đầu dùng để mô tả tình trạng không gian bên ngoài ở thời điểm được đề cập của hội thoại. Nếu gắn liền với con người, các tình trạng sự tình mang tính chủ quan, có thể xuất phát từ nhận định của người nói về hiện trạng diễn biến trong hoàn cảnh giao tiếp.

*Kinh khiếp quá!...* (Nguyễn Hồng, *Tàu đêm*, tr.140) là nhận định của người dẫn chuyện về bối cảnh sự tình.

#### 3.1.2.4. Sự tình quan hệ

CDB có thể biểu đạt một số phân loại của sự tình quan hệ.

##### a. Sự tình quan hệ tương liên

Thông tin sự tình mà các CDB đại từ nhân xưng mang lại được dùng như một sự xác tín về mối liên hệ giữa các nhân vật giao tiếp.

- *Nhà tôi.* (Khái Hưng, *Tiếng dương cầm*, tr.402)

##### b. Sự tình quan hệ định vị trong không gian

Không gian trong CDB danh từ thường là vùng không gian hẹp biểu thị thông tin về sự hiện hữu trong bối cảnh giao tiếp được phổ diễn ra một cách trực diện.

- *Rừng lan.* (Nhất Linh, *Lan rừng*, tr.200)

##### c. Sự tình quan hệ định vị trong thời gian

*Ba, bốn giờ đêm.* (Thạch Lam, *Buổi sớm*, tr.329)

CDB không có quan hệ thuyết giải, vì thế thời gian thường mang tính khách quan nhiều hơn chủ quan, còn gọi là thời gian vật lí, đa phần CDB giới thiệu về mốc thời gian hoặc khoảng thời gian mang tính đánh dấu.

#### 3.1.3. Một số nhận định về sự biểu đạt nghĩa sự tình trong CDB

- Thực tế không phải tất cả các CDB đều có thể biểu đạt sự tình. Các câu chỉ có hạt nhân là thán từ không biểu đạt một sự tình nào trong quan hệ với hiện thực.

- CDB tiếng Việt biểu đạt sự tình khá hạn chế. Nói theo cách khác, loại câu này chỉ được lựa chọn để chuyển tải một số loại hình sự tình nhất định.

### 3.2. Nghĩa tình thái của CDB tiếng Việt

#### 3.2.1. Cơ sở xác định nghĩa tình thái của CDB tiếng Việt

Trong kết cấu CDB, tác từ mệnh đề đề cập đến thái độ của người nói đối với nội dung của hành động nói của mình, vậy nên có thể hiểu đây là thành phần trong câu có thể trích xuất để phân tích bình diện nghĩa tình thái.

### **3.2.2. Các phương tiện từ vựng biểu thị nghĩa tình thái của CDB tiếng Việt**

Trong phần này, luận án lần lượt chỉ ra các nhóm phương tiện biểu thị tình thái xuất hiện trong CDB và chỉ ra các ví dụ đại diện cho nhóm phương tiện như:

#### **3.2.2.1. Các phó từ**

Sắp mưa rồi. (Nguyễn Thị Thu Huệ, *Phù thủy*, tr.190)

#### **3.2.2.2. Các vị từ tình thái**

Đừng khoanh với bà! (Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*, tr.120)

#### **3.2.2.3. Các thán từ**

Ô hay! (Nguyễn Công Hoan, *Trong chuyến xe lam*, tr.286)

#### **3.2.2.4. Các quán ngữ tình thái**

Gì mà chả lo? (Mai Tiến Nghi, *Cả nường úp vung*, tr.45)

#### **3.2.2.5. Các tiêu từ tình thái cuối câu**

Lạ nhỉ! (Nguyễn Công Hoan, *Bạc đẽ*, tr.106)

#### **3.2.2.6. Các trợ từ**

Chính phải rồi! (Khái Hưng, *Dọc đường gió bụi*, tr.395)

#### **3.2.2.7. Các đại từ nghi vấn hoặc các liên từ**

Đốt hã? (Hữu Phương, *Bản nhạc mõ trâu*, tr.50)

### **3.2.3. Phân tích nghĩa tình thái của CDB tiếng Việt**

#### **3.2.3.1. Nghĩa tình thái khách quan của CDB tiếng Việt**

Nghĩa tình thái khách quan thông báo mối quan hệ giữa điều được nói ra với bên ngoài rằng điều ấy có thực hay không.

a. Nghĩa tình thái khả năng hiện thực biểu thị rằng sự việc được nói đến trong câu là chưa xảy ra nhưng có khả năng xảy ra.

Sắp hết hè rồi. (Thạch Lam, *Nắng trong vườn*, tr.322)

b. Nghĩa tình thái tất yếu hiện thực biểu thị sự việc được nói đến trong câu là có tính hiện thực: đã xảy ra, có điểm bắt đầu, điểm kết thúc, có trạng thái kéo dài hoặc không kéo dài, bất ngờ hoặc không bất ngờ:

Đang đứng cạnh tao. (Di Li, *Bộ tóc giả*, tr.242)

c. Nghĩa tình thái tất yếu phi hiện thực biểu thị rằng sự việc được nói đến trong câu là không xảy ra hoặc được trình bày theo lối phủ định: Không tốt gì! (Nguyễn Huy Thiệp, *Chuyện tình kể trong đêm mưa*, tr.368)

#### **3.2.3.2. Nghĩa tình thái chủ quan của CDB tiếng Việt**

Tiêu chí chính để xác định nghĩa tình thái chủ quan là nhận diện được người nói và quan điểm của họ khi phát ra câu đó.

a. Nghĩa tình thái nhận thức thể hiện sự hiểu biết của người nói bao gồm cả sự xác nhận cũng như những cam kết của cá nhân người nói đối với tính chân thật của điều được nói ra trong câu có thể thấy hai nhóm sắc thái cơ bản là khả năng hiện thực và khả năng phi hiện thực.

a1. Nghĩa tình thái nhận thức sắc thái hiện thực chỉ đưa ra phỏng đoán về một điều gì đó có thể đã xảy ra, đang, sẽ xảy ra nhưng người nói không biết chắc chắn:

*Chắc có chuyện gì uẩn khúc?*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Những ngọn gió Hua Tát*, tr.55)

a2. Nghĩa tình thái nhận thức sắc thái phi hiện thực đưa ra phỏng đoán về khả năng không có thật, không xảy ra của điều được nói tới:

*Cũng chả khó đâu.* (Nguyễn Công Hoan, *Hai mẹ con*, tr.258)

b. Nghĩa tình thái đánh giá

Nghĩa tình thái đánh giá là loại nghĩa tình thái biểu thị quan hệ giữa người nói với điều được nói tới trong câu.

b1. Nghĩa tình thái đánh giá về lượng là đánh giá thuộc tính của sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan về mặt khối lượng, kích thước, tốc độ...

*Phải mắt chùng một tiếng.* (Phong Điệp, *Kẻ dự phần*, tr.9)

b2. Nghĩa tình thái đánh giá về chất

Đánh giá về chất là đánh giá sự vật, hiện tượng theo những tính chất, thuộc tính cơ bản, làm cho sự vật đó phân biệt với sự vật khác

*Thực may! May quá!*

(Nguyễn Minh Châu, *Phiên chợ Giát*, tr.325)

c. Nghĩa tình thái cảm xúc là loại nghĩa tình thái biểu thị quan hệ giữa người nói với điều được nói tới.

c1. Nghĩa tình thái biểu thị cảm xúc tích cực thường không được biểu đạt rõ ràng trong CDB.

c2. Nghĩa tình thái cảm xúc có sắc thái tiêu cực

*Eo ôi, khiếp thế à?* (Phong Điệp, *Người lạ*, tr.38)

d. Nghĩa tình thái đạo lý

Nghĩa tình thái đạo lý thể hiện sự áp đặt của người nói đối với hành động của người khác hay chính người nói thực hiện dựa trên những quy tắc, chế định hay lẽ thường của cộng đồng.

d1. Nghĩa tình thái đạo lý biểu thị khả năng hiện thực:

*Xin hãy bình tĩnh!*

(Trần Thị Tú Ngọc, *Thăm thăm bóng sông*, tr.242)

d2. Nghĩa tình thái đạo lý biểu thị khả năng phi hiện thực:

*Hỏi thăm làm gì?* (Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, tr.389)

d3. Nghĩa tình thái đạo lí biểu thị sắc thái bắt buộc hiện thực:

*Quên. Phải quên.* (Khái Hưng, *Hồn bướm mơ tiên*, tr.673)

d4. Nghĩa tình thái đạo lí biểu thị sắc thái bắt buộc phi hiện thực

*Nghĩ ngợi làm gì.* (Nguyễn Huy Thiệp, *Giọt máu*, tr.174)

e. Nghĩa tình thái thái độ là loại nghĩa tình thái biểu thị quan hệ giữa người nói với người nghe.

Đối với CDB, các nhóm phương tiện biểu thị tình thái thường không biểu đạt sắc thái tích cực hoặc tiêu cực một cách tường minh mà thông qua việc kết hợp với kết cấu hạt nhân để biểu thị nghĩa chung của câu.

### **Tiểu kết**

Khi áp dụng bộ khung NPCN diễn ngôn kết hợp quan điểm phát triển cùng đường hướng của Cao Xuân Hạo và các tác giả khác khi nghiên cứu tiếng Việt để phân tích bình diện nghĩa của CDB tiếng Việt, chương này đã chỉ ra CDB có khả năng chuyển tải các thông tin sự tình theo góc nhìn của nhân vật giao tiếp, trong đó, đồng thời biểu đạt những nhận định, cảm xúc chủ quan. Thực tế phân tích cũng chỉ ra rằng, có những CDB biểu đạt tổng hoà nghĩa sự tình và nghĩa tình thái, có những câu chỉ biểu đạt nghĩa sự tình và ngược lại một số câu khó xác định nghĩa tình thái một cách rạch ròi. Về chức năng nghĩa, CDB cũng chứng minh sự riêng biệt khi chỉ tập trung chuyển tải một số phân loại nghĩa (cả sự tình và tình thái) mang tính đặc thù.

---

## **CHƯƠNG 4. BÌNH DIỆN DỤNG HỌC CỦA CÂU ĐẶC BIỆT TIẾNG VIỆT**

Trong chương này, để phân tích bình diện dụng học của CDB, chúng tôi sẽ tập trung vào đặc trưng ngữ cảnh của CDB và nội dung đánh dấu mục đích phát ngôn để làm rõ tư cách thông điệp của CDB.

### **4.1. Đặc trưng ngữ cảnh của CDB**

Mỗi một câu đều được sản sinh ra trong một bối cảnh nhất định, muốn lĩnh hội được đầy đủ, chính xác câu đó ta phải đặt nó trong bối cảnh mà nó ra đời.

#### **4.1.1. Bối cảnh của CDB**

Ở đây, chúng tôi hiểu bối cảnh của CDB theo quan điểm hẹp về ngữ cảnh, đó là đoạn hoặc câu văn trên dưới của một CDB hoặc sự kết hợp các từ với nhau trong chuỗi lời nói của của người phát ngôn trong trường hợp độc thoại và chuỗi lời nói trước sau trong tương quan giữa các bên tham gia giao tiếp khi hội thoại.

##### *4.1.1.1. CDB xuất hiện trong lời tự sự*

Lời tự sự được chúng tôi hiểu là lời người dẫn chuyện làm nhiệm vụ dẫn dắt, kể lại toàn bộ câu chuyện. CDB ở trường hợp này thường xuất hiện trong một đoạn văn miêu tả.

##### *4.1.1.2. CDB xuất hiện trong chuỗi độc thoại*

CDB xuất hiện trong bối cảnh chung như vậy để khơi gợi các chủ đề, gọi tên những cảm xúc, tâm trạng hoặc chính xác là sự day dứt về vấn đề mà họ đang đối diện, thường bị rơi vào bế tắc. Cũng có khi, CDB được dùng để gọi ra những ý tưởng mà nhân vật bất chợt nghĩ ra trong quá trình độc thoại.

##### *4.1.1.3. CDB xuất hiện trong đối thoại*

Đây là hoàn cảnh xuất hiện nhiều CDB, nhất là trong các kiểu tiếp xúc không mang tính quan phương, tính công cộng; là kiểu trò chuyện giản dị bằng khẩu ngữ, là không khí bình đẳng về tinh thần và đạo đức giữa những người phát ngôn.

### **4.1.2. Quan hệ liên nhân**

#### *4.1.2.1. Xét từ trục quyền lực*

Quan hệ quyền lực ở Việt Nam thường được biểu hiện ở một số phương diện như: quan hệ về giới, quan hệ về địa vị, thứ bậc, quan hệ tuổi tác, trình độ hiểu biết... Trục quyền lực không những không giới hạn việc người tham gia giao tiếp lựa chọn sử dụng CDB, mà thông qua việc sử dụng CDB theo những cách khác nhau cũng phản ánh sự phân vai rất rõ ràng trên trục giao tiếp này.

*Cửa xe mở, bà thả gậy để bước xuống. Hai cháu nội đỡ hai bên nách, bà hẩy tay chúng ra bảo:*

- **Khỏi.** Bà về đất mẹ rồi thì bà khoẻ lắm. Ở đây có bố có mẹ của bà đỡ rồi thì ngã làm sao được.

[...] - **Cha bố anh!**

(Vũ Thanh Lịch, *Bà cô bên chồng*, tr.265-267)

Khác với trường hợp sau đây:

*Con yêu người con trai ấy lắm phải không? - Tôi hỏi. Im lặng. Rồi một lúc, nó khe khẽ trả lời:*

- **Vâng ạ!**

(Nguyễn Thị Thu Huệ, *Hậu thiên đường*, tr.169)

#### 4.1.2.2. Xét từ trục khoảng cách

Quan hệ khoảng cách còn được gọi là quan hệ ngang hoặc là quan hệ thân - sơ. Chúng tôi đã phân tích các ví dụ ở cùng một mối quan hệ, cùng vị thế xã hội nhưng khoảng cách khác nhau khiến cho việc sử dụng CĐB cũng phân hoá theo chiều hướng hoàn toàn riêng biệt. Ngoài ra, tùy theo mức độ thân hữu khác nhau mà đối tượng tham gia giao tiếp có cách sử dụng những CĐB theo cách thức khác nhau, khách sáo hoặc suồng sã:

**Quý hoá quá.** Không ngờ cô Loan làm bếp lại khéo thế này!

(Nhật Linh, *Nhặt lá vàng rơi*, tr.270)

**Mẹ kiếp! Thế chứ lại!** – Phan lắm bảm rồi đưa mắt nhìn quanh - **Thôi đi đi mày.**

(Phong Điệp, *Ngôi nhà hoang vắng*, tr.31-32)

## 4.2. Đánh dấu mục đích phát ngôn

Để thực hiện một mục đích phát ngôn, người ta thường dùng một cấu trúc cú pháp đặc trưng với những phương tiện ngôn ngữ riêng biệt tạo ra mối tương quan giữa kiểu hình thức của câu và mục đích sử dụng.

### 4.2.1. Các phương thức đánh dấu mục đích phát ngôn trong CĐB

4.2.1.1. Các phương thức phổ quát bao gồm các tiêu từ tình thái, các phó từ, các dấu câu.

#### 4.2.1.2. Các phương thức thực tự thân

Trong CĐB còn xuất hiện phương thức đánh dấu mục đích phát ngôn mang tính đặc thù không xác lập trong các dạng câu khác. Tức là, đối với CĐB, bản thân hạt nhân có thể biểu lộ mục đích đánh dấu chứ không cần đến bất kì dấu hiệu, phương thức đi kèm nào như đánh dấu cảm thán bằng chính các từ biểu lộ cảm xúc hay đánh dấu mục đích câu khiến bằng các động từ hoặc cụm động từ:

*Trời ơi!* (Thạch Lam, *Nhà mẹ Lê*, tr.136)

#### **4.2.2. Mục đích phát ngôn của CDB**

Việc triển khai mục đích phát ngôn là một cách để chúng tôi chứng minh CDB là một kiểu câu có khả năng chuyển tải đầy đủ 4 nhóm mục đích phát ngôn cơ bản như những loại câu khác.

##### *4.2.2.1. Dùng CDB để trần thuật (miêu tả, trình bày, kể)*

Với mục đích trần thuật, CDB khẳng định là loại câu dùng để xác nhận hoạt động trạng thái, đặc trưng, tính chất của đối tượng.

##### *Sảy thai rồi.* (Phong Điệp, *Kẻ dự phần*, tr.15)

CDB phủ định ghi nhận sự vắng mặt của sự vật, hiện tượng, đặc trưng tính chất của quan hệ trong hiện thực hoặc trong tưởng tượng.

##### *Không có bùa.* (Nguyễn Ngọc Tư, *Rượu trắng*, tr.112)

*4.2.2.2. Dùng CDB để nêu ra điều thắc mắc và có nhu cầu được giải đáp*

Mục đích cơ bản của nghi vấn là dùng để hỏi, và để đạt được mục đích đó, trong nhiều trường hợp người nói lựa chọn CDB để làm bật lên nội dung nghi vấn, giúp người nói tập trung vào tiêu điểm thông tin để định hướng câu trả lời nhanh gọn nhất.

##### *Tương bỏ về rồi?* (Nguyễn Phú, *Tuyết đào*, tr.127)

##### *4.2.2.3. Dùng CDB để biểu thị cảm xúc*

Các CDB thân từ thường làm tốt vai trò biểu đạt các cảm xúc đột ngột, bất ngờ mà các kiểu câu khác gần như không thể hiện trọn vẹn được:

##### *Dau đốn biết bao!* (Khải Hưng, *Con chim vành khuyên*, tr.420)

##### *4.2.2.4. Dùng CDB để nêu ý gây khiến*

CDB với mục đích cầu khiến là những câu nêu ý muốn gây khiến của người truyền đạt, mục đích hướng tới người nghe, để người nghe phải thực hiện điều nói ra trong câu. Các câu này không phải là dạng mục đích được đánh dấu phổ biến trong CDB và dễ nhầm lẫn với các dạng câu mệnh lệnh.

#### **Tiểu kết**

Ở chương này, luận án phân tích bình diện dụng học của CDB. Các CDB được đặt trong mối quan hệ với hoạt động giao tiếp để phân tích làm rõ đặc trưng ngữ cảnh và mục đích phát ngôn của CDB. Thông qua những nội dung của chương 4, chúng tôi đã khẳng định rằng hình thức cú pháp mang tên CDB là sự lựa chọn tất yếu trong những hoàn cảnh giao tiếp nhất định. Đồng thời, bản thân CDB cũng thực hiện trọn vẹn vai trò truyền tải thông điệp như tất cả những kiểu loại câu khác.

---

## KẾT LUẬN

Thực hiện đề tài này, chúng tôi đã rút ra được cho mình những bài học về phương pháp luận và những bài học về thao tác luận. Đối với việc phân tích một kiểu câu cụ thể có nhiều điểm khác với khung câu thông thường thì việc lựa chọn đường hướng lí thuyết phù hợp là yếu tố quan trọng. Bên cạnh đó, khi tiến hành khảo sát và miêu tả cần tôn trọng các đặc điểm loại hình ngôn ngữ và lưu ý điểm đặc thù của đối tượng nghiên cứu.

Trên cơ sở nghiên cứu, chúng tôi đã xác lập cương vị của CDB trong cú pháp tiếng Việt thông qua việc xây dựng khái niệm và phân tích các tiêu chí nhận diện CDB, đồng thời phân biệt CDB với các hình thức ngữ pháp tương tự, bao gồm các loại câu có đặc điểm gần giống với CDB và các hình thức cận câu dễ bị nhầm lẫn với một số phân loại của CDB.

Từ khái niệm và các tiêu chí nhận diện, chúng tôi đã tập hợp lượng lớn ngữ liệu đủ độ tin cậy, phối hợp các phương pháp định lượng và định tính trên bộ khung ngữ pháp chức năng diễn ngôn của S.C. Dik và cộng sự để miêu tả một cách xác đáng CDB trên các bình diện kết học, nghĩa học và dụng học.

Ở bình diện kết học, dựa trên mô hình cấu trúc lớp, các khái niệm công cụ là hạt nhân – tác tử, chúng tôi đã xác định được mô hình cấu trúc của CDB tiếng Việt, từ đó phân lập được 13 dạng cấu trúc CDB gồm 2 nhóm lớn: CDB chỉ có hạt nhân và CDB có cấu trúc hạt nhân kết hợp với tác tử. Các mẫu câu được kí hiệu hoá và lí giải dựa trên vị trí của các thành tố giá trị. Thực tế ngữ liệu cũng bước đầu chứng minh sự khác nhau về mức độ điển hình của các dạng mẫu câu, trong đó CDB có dạng thức càng tối giản càng phổ biến trong giao tiếp.

Từ việc miêu tả bình diện kết học có thể khẳng định CDB là loại câu độc lập, có mô hình riêng, tách biệt hoàn toàn với các loại câu khác trong cú pháp tiếng Việt, cấu trúc CDB được tổ chức một cách hoàn chỉnh và phân tầng rõ rệt, có thể mô hình hoá và phân hoá về tính điển dạng.

Ở bình diện nghĩa học, thông qua việc phân tích hai bình diện nghĩa chính của câu là nghĩa sự tình và nghĩa tình thái, luận án đã chứng minh được khả năng biểu đạt nghĩa của CDB. Cũng như những câu khác, các thành tố ngữ nghĩa trong CDB kết hợp hài hoà để chuyên tải khá trọn vẹn thông tin sự tình và bộc lộ một cách khéo léo, tinh tế thái độ của người nói với điều được nói đến trong câu hay đối với người nghe. Bình diện nghĩa học cũng chỉ ra những điểm đặc



biệt của loại câu này hay nói cách khác là phân hoá CDB thành những nhóm chuyên tải nghĩa khác nhau như: CDB có thể chuyên tải trọn vẹn nghĩa sự tình và nghĩa tình thái; CDB chỉ có nghĩa tình thái mà không xác định được nghĩa sự tình (thường là các CDB chỉ hạt nhân là thán từ) và CDB chỉ xác định rõ phần nghĩa sự tình, khó xác định được nghĩa tình thái (CDB chỉ có hạt nhân, và hạt nhân không phải là thán từ). Khi đi vào chi tiết, hình thái CDB cũng phản ánh tính chọn lọc về biểu đạt khi chỉ phản ánh các loại sự tình và tình thái nhất định.

Ở bình diện dụng học, luận án nghiên cứu các CDB trong mối quan hệ với hoạt động giao tiếp để phân tích làm rõ đặc trưng ngữ cảnh và mục đích phát ngôn của CDB. Thông qua việc phân tích bối cảnh trực tiếp xuất hiện CDB và tác động của mối quan hệ liên nhân đối với việc điều chỉnh cú pháp của CDB, chúng tôi đã khẳng định rằng hình thức cú pháp mang tên CDB là sự lựa chọn tất yếu trong những hoàn cảnh giao tiếp nhất định. Đồng thời, bản thân CDB cũng có khả năng chuyên tải những mục đích phát ngôn chính như tất cả những kiểu loại câu khác, trong đó, có những trường hợp mục đích phát ngôn được đánh dấu trọn vẹn, sắc sảo thông qua cái biểu đạt là CDB.

Như vậy, từ kết quả nghiên cứu của đề tài, chúng tôi đã bước đầu xác lập được cương vị của CDB trong cú pháp tiếng Việt, đề xuất được khái niệm CDB và áp dụng bộ khung lí thuyết NPCN diễn ngôn (về cơ bản) để miêu tả ba bình diện kết học, nghĩa học và dụng học của CDB tiếng Việt. Với tư cách là một câu, CDB thể hiện trọn vẹn ba bình diện nghiên cứu là kết học, nghĩa học và dụng học.

Từ những nội dung đã biện luận trong luận án, theo quan điểm ngữ pháp chức năng, chúng tôi có thể khẳng định rằng, hình thái tồn tại của CDB là kết quả lựa chọn cần thiết, có chủ định trong rất nhiều phương án giao tiếp mang tính khả dụng của hệ thống ngôn ngữ. Nói theo cách khác, CDB ắt hẳn phải có những điểm khác so với các phân loại khác cùng cấp độ, nhưng không phải là một loại câu bất thường, vì thế không nên (hoặc không cần) phải tách biệt loại câu này thành một nhóm riêng, đồng thời tránh những nhận định mang tính khắt khe đối với sự tồn tại của CDB trong cú pháp. Có thể xem đây là một điều kiện hoặc một cơ sở để nhận diện, phân biệt CDB trong lí thuyết cú pháp tiếng Việt.

Như đã nhận định trong luận án, quan niệm về các bình diện của CDB chưa hẳn đã có sự thông nhất triệt để, nhất là những vướng mắc

về bộ khung lí luận khi áp dụng lên một đối tượng có nhiều điểm đặc thù như CĐB tiếng Việt. Vì vậy chúng tôi cho rằng có thể tiếp tục khai thác và làm rõ CĐB theo các khung lí thuyết chức năng khác (như trường phái Ngôn ngữ học chức năng hệ thống của Michael Halliday), các lí thuyết hiện đại như lí thuyết điển mẫu (Prototype theory) hay ngữ pháp Nano (Nanosyntax) để hoàn thiện những phần còn khiếm khuyết của luận án này.

## **DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Trịnh Quỳnh Đông Nghi, Lê Thị Thanh (2020), “Nghiên cứu câu đặc biệt trong tập Truyện ngắn hay các tác giả nữ”, TC Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, T.10 S.(2020), tr.133-142.
2. Trịnh Quỳnh Đông Nghi, Phạm Thị Kim Oanh (2022), “Nghiên cứu câu trong tập Truyện ngắn hay 2019 (nhiều tác giả)”, Kì yếu Hội thảo Ngữ học toàn quốc năm 2022 - Ngôn ngữ học ứng dụng trong xu hướng hội nhập quốc tế, tr.1068-1075.
3. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2023), “Xác lập khái niệm câu đặc biệt trong cú pháp tiếng Việt”, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, 10(345)-2023, tr.14-20.
4. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2023), “Applying the heterophonic perspective to analyzing modality of the Vietnamese fragments (Vận dụng quan điểm dị thanh vào phân tích nghĩa tình thái của câu đặc biệt tiếng Việt)”, Лингвистика и образование. 2023. Том 3. No4. С. 80-93 (Linguistics & Education 2023, Vol. 3, No. 4. P. 80-93).
5. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2024), “Bình diện kết học của câu đặc biệt tiếng Việt (khảo sát truyện ngắn Nguyễn Công Hoan)”, TC Khoa học Trường ĐHSPTP Hồ Chí Minh, T.21, S.4 (2024).
6. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2024), “Nghĩa tình thái của câu đặc biệt tiếng Việt”, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 5(353)-2024, tr.41-52.
7. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2024), “Khảo sát các phương tiện biểu thị tình thái trong câu đặc biệt tiếng Việt”, TC Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, T.14, Số 1(2024).
8. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2024), “Nghiên cứu bình diện câu đặc biệt theo cách tiếp cận của lí thuyết điển mẫu”, Kì yếu Hội thảo khoa học Quốc tế “Những khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại – Lí thuyết và ứng dụng tháng 6/2024, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.956-969.
9. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2024), “Contextual Characteristics of Vietnamese Fragments”, Sarcouncil Journal of Humanities and Cultural Studies Vol-3-issue-4, p24-32.
10. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2024), “Applying Nanosyntax theory to isolate Vietnamese fragments”, Sarcouncil Journal Arts Humanities and Social Sciences, Vol - 3 - Issue - 9, p1-10.